

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 12 - 2022

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Phan Thị Nga

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:***  
Ông Hồ Thanh Hiền – kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 708/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa: 513/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Th T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 3, xã Thiệu Viên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh TH (có đơn xin vắng mặt);

2. ***Bị đơn:*** Ông Trần T V, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp Long Thạnh 1, xã Long Giang, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Th T trình bày:

Bà Nguyễn Th T và ông Trần T V đi đến hôn nhân vào năm 2013, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng

về quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông Vũ không quan tâm chăm sóc cho gia đình, nên giữa bà Thơm và ông Vũ không sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Bà Thơm nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Thơm yêu cầu được ly hôn với ông Vũ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 11/11/2013, khi ly hôn bà Thơm yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần T V đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Vũ đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, với lý do: Hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, nên việc xin phép nghỉ rất khó khăn nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn: Bà Nguyễn Th T từ khi thụ lý vụ án, đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn: Ông Trần T V, từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Th T đối với ông Trần T V.

- Bà Nguyễn Th T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 11/11/2013, ông Trần T V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Th T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần T V, về con chung bà Thơm yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần T V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Long Giang, huyện CM, tỉnh AG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng ông Trần T V không đến tham gia phiên Tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Vũ không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần T V.

Bà Nguyễn Th T có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do: hiện nay bà Luông làm thuê tại tỉnh Bình Dương nên việc xin nghỉ phép và đi lại gặp khó khăn, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Th T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Th T và ông Trần T V là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì mâu thuẫn vợ chồng, bà Thơm cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nên cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Vì vậy, bà Thơm có yêu cầu được ly hôn ông Vũ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 11/11/2013, khi ly hôn bà Thơm yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung hiện nay bà Thơm đang nuôi dưỡng, và nguyện vọng con chung muốn sống với bà Thơm. Đồng thời, ông Vũ không có ý kiến phản hồi về nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Thơm được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Th T được chấp nhận nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 273; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Th T, bà Nguyễn Th T được ly hôn với ông Trần T V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100/2013, ngày 22 tháng 4 năm 2013 do Ủy ban nhân dân xã Long Giang, huyện CM, tỉnh AG cấp cho bà Nguyễn Th T và ông Trần T V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Th T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Thị Quỳnh Trang, sinh ngày 11/11/2013, ông Trần T V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Th T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0012535, ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**Trần Ngọc Diệu**